

Số: 3060 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 11 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

Căn cứ Thông tư số 54/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 35 Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách

nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-NBTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 7421/STC-NSNN ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc dự thảo Quyết định triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đính kèm Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết nêu trên theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Út

Số: 12/2025/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 54/2021/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 462/TTr-BPC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định về một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 498/BC-BVHXXH ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện chế độ chỉ tiêu đảm bảo hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp theo nghị quyết này và các quy định có liên quan.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 11 năm 2025.

2. Các nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 203/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

b) Nghị quyết số 103/2013/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 203/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

c) Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

d) Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 10 tháng 11 năm 2025

Nơi nhận: *ĐKK*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TAND, VKSND, THADS tỉnh, các sở, ban, ngành;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng Cổng Thông tin điện tử tỉnh);
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH



Tôn Ngọc Hạnh



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chế độ, mức chi phục vụ cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp quy định tại Nghị quyết này do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; được phân bổ trong dự toán chi hằng năm của cơ quan, đơn vị quản lý kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân và được thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

2. Các khoản chi không nêu tại Quy định kèm theo Nghị quyết này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp nào thì được hưởng chế độ chi cấp đó; trường hợp là đại biểu Hội đồng nhân dân hai cấp thì được hưởng chế độ chi hằng tháng ở cấp cao nhất và hưởng một lần với mức cao nhất đối với các nội dung mức chi: lễ phục, chăm sóc sức khỏe định kỳ hằng năm, chế độ tài liệu.

Điều 3. Các nội dung chi, mức chi

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
I	Tiền lương, hoạt động phí (Thực hiện theo khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)			
II	Phụ cấp kiêm nhiệm			
	Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Mức phụ cấp: thực hiện theo mục III Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.		
III	Chi hỗ trợ			
	- Tổ trưởng Tổ đại biểu	Mức lương cơ sở/tháng	0,5	0,3
	- Tổ phó Tổ đại biểu	Mức lương cơ sở/tháng	0,3	0,15
	- Ủy viên các Ban	Mức lương cơ sở/tháng	0,3	0,15
IV	Chi phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân			
1	Chi cho kỳ họp Hội đồng nhân dân			
a	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời dự kỳ họp Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức, nhân viên trực tiếp phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân			
	- Chủ tọa kỳ họp	đồng/buổi/người	250.000	150.000
	- Thư ký kỳ họp	đồng/buổi/người	150.000	100.000
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời, cán bộ, công chức, người lao động, phóng viên báo đài trực tiếp phục vụ kỳ họp	đồng/buổi/người	150.000	100.000
	- Cán bộ, công chức, người lao động tham gia phục vụ gián tiếp	đồng/buổi/người	120.000	80.000
b	Chi giải khát giữa giờ	đồng/buổi/người	50.000	50.000
2	Chi xây dựng, tổng hợp, rà soát và hoàn thiện các văn bản phục vụ kỳ họp			
a	Chi xây dựng bài phát biểu			
	- Phát biểu khai mạc, bế mạc	đồng/bài phát biểu	500.000	300.000

	- Phát biểu khi dự kỳ họp cấp dưới trực tiếp	đồng/bài phát biểu	300.000	
b	Chi xây dựng các văn bản trình kỳ họp Hội đồng nhân dân			
	- Chi xây dựng báo cáo chuyên đề, đề án, tờ trình và văn bản khác của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân trình kỳ họp	đồng/văn bản	1.200.000	500.000
	- Chi báo cáo kết quả thảo luận của các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	300.000	150.000
	- Chi báo cáo tổng hợp chung ý kiến thảo luận của các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân trình kỳ họp.	đồng/báo cáo	1.000.000	500.000
	- Chi cho việc chuẩn bị nội dung cần tập trung thảo luận về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và Nghị quyết chuyên đề (nếu có) tại kỳ họp	đồng/văn bản	300.000	150.000
	- Chi xây dựng, hoàn thiện biên bản kỳ họp	đồng/văn bản	600.000	400.000
	- Chi xây dựng thông báo kết quả kỳ họp	đồng/thông báo	500.000	200.000
c	Chi xây dựng và hoàn thiện nghị quyết trình tại kỳ họp			
	- Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân: mức chi áp dụng theo Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai			
	- Nghị quyết cá biệt (trừ nghị quyết về nhân sự) do Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân chuẩn bị trình kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/nghị quyết	1.200.000	500.000
	- Chi rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân	đồng/nghị quyết	500.000	200.000
d	Chi tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật sau kỳ họp theo Nghị định số 79/2025/NĐ-CP	đồng/nghị quyết	500.000	200.000
V	Chi hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát			

1	Tổ chức hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát			
	- Người chủ trì	đồng/buổi/người	200.000	200.000
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời, cán bộ, công chức, người lao động tham gia phục vụ trực tiếp	đồng/buổi/người	150.000	100.000
	- Cán bộ, công chức, người lao động tham gia phục vụ gián tiếp	đồng/buổi/người	120.000	80.000
2	Chi giải khát giữa giờ	đồng/buổi/người	50.000	50.000
3	Xây dựng quyết định thành lập Đoàn, kế hoạch và đề cương giám sát, khảo sát	đồng/bộ văn bản	1.500.000	600.000
4	Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, khảo sát	đồng/báo cáo	2.000.000	1.000.000
5	Xây dựng báo cáo thẩm tra về: báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết	đồng/báo cáo	2.500.000	1.000.000
6	Khoán chi thuê chuyên gia hỗ trợ, nghiên cứu, cho ý kiến vào các đề án chuyên đề, kiểm nghiệm, kiểm định chất lượng các vụ việc trước hoặc sau khi đi giám sát, thẩm tra của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã (nếu xét thấy cần thiết).	đồng/một lần thuê/đề án, nội dung	5.000.000	2.000.000
VI	Chi hội nghị, hội thảo, các phiên họp, cuộc họp do Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tổ chức			
1	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, các phiên họp, cuộc họp			
	- Người chủ trì	đồng/buổi/người	200.000	200.000
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời, cán bộ, công chức, người lao động tham gia phục vụ trực tiếp	đồng/buổi/người	150.000	100.000
	- Cán bộ, công chức, người lao động tham gia phục vụ gián tiếp	đồng/buổi/người	120.000	80.000

2	Chi giải khát giữa giờ	đồng/buổi/người	50.000	50.000
3	Chi xây dựng báo cáo tham luận, bài phát biểu tại các hội nghị, hội thảo do Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc cơ quan cấp trên tổ chức	đồng/văn bản	500.000	300.000
4	Chi cho việc xây dựng chương trình công tác, báo cáo chuyên đề (không trình kỳ họp) phục vụ cho hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	900.000	450.000
5	Chi xây dựng chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	1.500.000	600.000
6	Soạn thảo thông báo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	500.000	200.000
7	Xây dựng báo cáo tổng hợp các ý kiến đóng góp vào dự án luật, pháp lệnh	đồng/báo cáo	1.200.000	600.000
8	Thông báo kết luận phiên giải trình của Thường trực Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	1.000.000	500.000
VII	Chi tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân			
1	Khoán chi cho các xã, phường để tổ chức, phục vụ công tác tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân các cấp (Thuê hội trường, âm thanh, ánh sáng, nước uống, chi cho người chủ trì hội nghị): 15.000.000 đồng/năm/xã, phường (trong đó đã bao gồm mức chi cho người chủ trì hội nghị là 150.000 đồng/hội nghị).			
2	Khoán chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ tiếp xúc cử tri	đồng/đại biểu/năm	3.000.000	1.500.000
3	Chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri	đồng/buổi/người	150.000	150.000 (trong tổng khoán VII.1)
4	Cán bộ, công chức, người lao động tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri, phóng viên báo, đài	đồng/buổi/người	150.000	100.000

5	Xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri theo Tổ đại biểu	đồng/báo cáo	300.000	150.000
6	Xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri trình kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	1.000.000	500.000
VIII	Chi tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân			
	Chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân và cán bộ, công chức được phân công trực tiếp tiếp công dân theo lịch hoặc giấy mời tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/ngày/người	150.000	80.000
IX	Chi cho công tác xã hội			
1	Chế độ thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ khó khăn đột xuất			
a	Chế độ thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ khó khăn đột xuất đối với đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm			
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm khi ốm đau được chi tiền thăm hỏi 1.000.000 đồng/người/lần; nếu phải nằm viện, mức chi tiền thăm hỏi: 1.500.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo (theo danh mục quy định của Bộ Y tế) thì mức chi hỗ trợ là 5.000.000 đồng/người/lần. Chi không quá 02 lần/người/năm.			
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân từ trần thì gia đình của đại biểu được hỗ trợ là 3.000.000 đồng.			
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân có cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con ruột chết thì được hỗ trợ một lần là 1.500.000 đồng/người.			
	- Chi của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện viếng đám tang đối với: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã từ trần; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã có cha đẻ, mẹ đẻ, cha vợ (chồng), mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con ruột chết. Mức chi một lần là 1.500.000 đồng/người			
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân nếu từ trần mà người lo mai táng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp mai táng từ Quỹ bảo hiểm xã hội hoặc không thuộc đối tượng hưởng hỗ trợ mai táng từ ngân sách nhà nước thì được hưởng một lần hỗ trợ mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở do Hội đồng nhân dân cấp đó chi trả từ ngân sách nhà nước.			
b	Chế độ thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ khó khăn đột xuất đối với các vị nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân			

	- Các vị nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân khi ốm đau phải nằm viện, mức chi tiền thăm hỏi là 1.500.000 đồng/người/lần thăm bệnh, chỉ không quá 02 lần/năm. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo (theo danh mục quy định của Bộ Y tế) thì mức chi hỗ trợ một lần tối đa không quá 3.000.000 đồng/người, chỉ không quá 02 lần/năm.			
	- Nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân từ trần thì gia đình của nguyên đại biểu, cán bộ, công chức được hỗ trợ 3.000.000 đồng.			
X	Một số chế độ chi khác			
1	May lễ phục			
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm: 02 bộ/nhiệm kỳ	đồng/bộ	5.000.000	3.000.000
	- Cán bộ, công chức Văn phòng trực tiếp phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân: 02 bộ/nhiệm kỳ	đồng/bộ	2.500.000	1.500.000
2	Đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp tài liệu, báo chí, phí truy cập internet	đồng/tháng	600.000	300.000
3	Chi hỗ trợ đối với các đại biểu Hội đồng nhân dân không được hưởng chế độ khám, chăm sóc sức khỏe theo quy định	đồng/đại biểu/năm	1.000.000	500.000
4	Tặng quà lưu niệm: đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp chuyển công tác và thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân; cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng phục vụ trực tiếp hoạt động Hội đồng nhân dân khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu.	đồng/lần/người	3.000.000	2.000.000
5	Chi xây dựng kỷ yếu nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân	đồng/kỷ yếu	Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định	
6	Chi tặng quà lưu niệm cho đại biểu Hội đồng nhân dân khi kết thúc nhiệm kỳ	đồng/người	2.000.000	1.000.000

7	Chi tặng quà cho các đối tượng chính sách, xã hội của các tổ chức Hội đồng nhân dân các cấp khi thăm hỏi nhân dịp Lễ, Tết, các ngày truyền thống và trong các đợt đi khảo sát về đời sống sinh hoạt xã hội (như: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng Tám năm 1945; Liệt sĩ; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Bệnh binh; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; Người có công giúp đỡ cách mạng; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp với hoạt động của Hội đồng nhân dân; gia đình và cá nhân gặp rủi ro thiên tai; Già làng, người có uy tín trong cộng đồng; Các đơn vị bộ đội, công an ở biên giới, hải đảo; Các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như: Trại điều dưỡng thương binh, bệnh binh; cơ sở trợ giúp xã hội; trường dân tộc nội trú), các trường hợp khác do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định. Mức chi: đối với tập thể tối đa không quá 10.000.000 đồng/lần, đối với cá nhân tối đa không quá 5.000.000 đồng/lần.
8	Chế độ chi bồi dưỡng cho cá nhân tham dự giám sát, khảo sát, thẩm tra, kỳ họp, tiếp xúc cử tri tổ chức vào những ngày nghỉ, ngày lễ như sau: Đối với giám sát, khảo sát, thẩm tra, kỳ họp, tiếp xúc cử tri của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tổ chức vào những ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật) thì được chi gấp 02 lần; nếu tổ chức vào ngày lễ thì được chi gấp 03 lần so với mức chi quy định tại Nghị quyết này.
9	Chế độ chi tặng quà cho cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài. Quà tặng được sử dụng khi Đoàn của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai đi công tác nước ngoài hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài đến làm việc với Hội đồng nhân dân tỉnh. Mức chi quà tặng đối với mỗi tổ chức, cá nhân do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và thực hiện theo kế hoạch.
XI	Chi trao đổi, học tập kinh nghiệm
1	Chi trao đổi học tập kinh nghiệm về hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân trong, ngoài nước theo kế hoạch cụ thể do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định.